

## NHÀ NƯỚC VĂN LANG VÀ ÂU LẠC TỪ GÓC NHÌN KHẢO CỔ HỌC

PGS.TS. TRỊNH SINH\*

**T**rong khoảng nửa thế kỷ qua, khảo cổ học Việt Nam đã có những bước tiến khá dài, trong đó, thành tựu nghiên cứu về văn hóa Đông Sơn khá nổi bật. Các nhà khảo cổ học Việt Nam và nước ngoài đã khai quật và điều tra thăm dò hàng trăm di tích thuộc nền văn hóa này, bước đầu đã dựng được phần nào diện mạo về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân văn hóa Đông Sơn. Một trong những đóng góp của việc nghiên cứu văn hóa Đông Sơn là niên đại cũng như sự phân bố của nền văn hóa này khá trùng hợp với những gì ghi lại trong thư tịch và truyền thuyết. Có thể coi, văn hóa Đông Sơn là nền tảng vật chất để ra đời nhà nước sơ khai Văn Lang và Âu Lạc.

### *1. Không gian phân bố và thời gian tồn tại của văn hóa Đông Sơn*

Các nhà khảo cổ học đã dựng được phổ hệ các nền văn hóa Tiền Đông Sơn tiến lên văn hóa Đông Sơn.

Tại lưu vực sông Hồng, một số địa điểm khảo cổ quan trọng đã được khai quật (Đồng Đậu, Làng Cả, Phú Lương, Gò De, Thành Dền, Đông Lâm...), giúp cho việc xác lập phổ hệ các nền văn hóa: Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn. Tại lưu vực sông Mã, những cuộc khai quật lớn: khai quật Hoa Lộc, Đông Sơn, Núi Nấp, Quỳ Chử, Cồn Cẩu, Mã Chùa, Bái Tê, Đông Tiến, Cồn Chân Tiên... đã dựng nên được một phổ hệ phát triển văn hoá ở Bắc Trung bộ có những thang bậc: Cồn Chân

Tiên - Bái Man - Quỳ Chử - Đông Sơn. Tại lưu vực sông Lam, khu mộ Làng Vạc được khai quật lớn những năm 1973, 1981, 1990, các cuộc khai quật Đồng Mỏm, Đền Đồi, Rú Trăn... đã giúp cho việc dựng được phổ hệ thời đại kim khí ở lưu vực sông Lam: Đền Đồi - Rú Cật - Rú Trăn - Làng Vạc. Mà Làng Vạc là một trong những địa điểm đậm nét của nền văn hóa Đông Sơn.

Các di tích tiền Đông Sơn của cả ba lưu vực các con sông: Hồng, Mã và Lam đã hòa đồng với nhau để tiến lên một nấc thang văn minh vật chất mới, đó chính là nền văn hóa Đông Sơn thống nhất trong đa dạng. Điều này thể hiện rõ nét ở bộ sưu tập hiện vật đã khá thống nhất trong một không gian rộng lớn, nhất là đồ đồng mang chung một phong cách, như trống, thạp, giáo, rìu... Các nhà khảo cổ học Việt Nam đã dựng được bản đồ phân bố văn hóa Đông Sơn với hàng trăm địa điểm trên cả một khu vực châu thổ của cả ba con sông. Họ khá thống nhất về vấn đề địa vực phân bố văn hoá Đông Sơn, cơ bản trùng với địa bàn miền Bắc Việt Nam hiện nay, tại khu vực trước đây vẫn được gọi là vùng Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

Niên đại của nền văn hóa Đông Sơn cũng khá trùng khớp với thư tịch ghi lại. Qua phân tích niên đại bằng phương pháp khảo cổ học so sánh cũng như bằng phương pháp phân tích các bon phóng xạ C14, cho thấy niên đại muộn của nền văn hóa này vào khoảng thế kỷ I, II sau Công nguyên, tức là vào thời điểm mà các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc đã bị chìm trong bể máu, điển hình là

\* Viện Khảo cổ học

cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Niên đại sớm của văn hóa Đông Sơn là những thế kỷ trước Công nguyên, đúng ra là trước cả thời kỳ nhà Tây Hán xâm lược và thời kỳ nhà nước Nam Việt. Có thể niên đại sớm lên đến tận thế kỷ VII trước Công nguyên như sách *Việt sử lược* đã ghi lại thời điểm: “Đến thời Trang Vương nhà Chu, ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương”.

### 2. Phân hóa xã hội là tiền đề dẫn đến hình thành nhà nước sơ khai

Văn hóa Đông Sơn không những đã được phát hiện tại hàng trăm làng cổ, khu mộ cổ, mà một lượng khổng lồ các di vật đã được tìm thấy với nhiều chất liệu khác nhau, từ đồ đồng, đồ sắt, đồ đá, đồ gốm. Nghiên cứu các hiện vật này, nhất là những hiện vật tùy táng trong mộ, chúng ta sẽ thấy có sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt. Nhiều mộ khá giàu có, nhưng số mộ không có hiện vật lại chiếm số lượng lớn hơn hẳn. Ví dụ điển hình cho sự phân hóa giàu nghèo này thể hiện ở khu mộ Việt Khê (Hải Phòng) và Làng Cả (Phú Thọ).

Ngôi mộ số 2 ở Việt Khê là một ngôi mộ thủ lĩnh giàu có đương thời. Mộ được tìm tại ven sông Hàn, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, cách biển khoảng 26 km. Sự phân hoá giàu nghèo rất rõ: ngôi mộ này có kích thước lớn nhất và có hơn 100 hiện vật. Bốn ngôi mộ còn lại không chứa hiện vật nào. Như vậy, tỷ lệ phân hoá xã hội ở đây khá sâu sắc: nếu tính theo số lượng hiện vật thì mộ giàu có tỷ lệ hiện vật gấp hơn 100 lần so với các mộ không chôn theo hiện vật nào. Mặc dù mới chỉ có 5 ngôi mộ thuyền nhưng cũng có thể thống kê sơ bộ là: 80% mộ nghèo không có hiện vật và 20% là mộ cực giàu.

Phần lớn các mộ táng ở khu mộ Làng Cả không có một hiện vật nào đã chứng tỏ người nghèo khi đó chiếm số lượng đa số với 84,1%.

Số lượng mộ táng giàu, có số lượng hiện vật từ 16 hiện vật trở lên chỉ có 1%. Số lượng mộ táng có 1 hoặc 2 hiện vật chỉ có 10,4%. Còn các loại mộ táng có từ 3 hiện vật trở lên chiếm số lượng không đáng kể. Điều đó cho thấy tình trạng mộ giàu có thể có tài sản gấp khoảng 16 lần người nghèo và số lượng người giàu chiếm khoảng 1 - 2% số dân trong xã hội thời bấy giờ. Sự phân hoá giàu nghèo qua các loại mộ giàu và nghèo đã trở nên rõ rệt. Đó là điều mà chưa thể xảy ra trong các nền

văn hoá Tiền Đông Sơn trước đó. Sự phân hoá giàu nghèo dẫn đến phân ra các giai tầng trong xã hội và là một trong những tiền đề dẫn đến xung đột và hình thành các thủ lĩnh cộng đồng và nhà nước sơ khai.

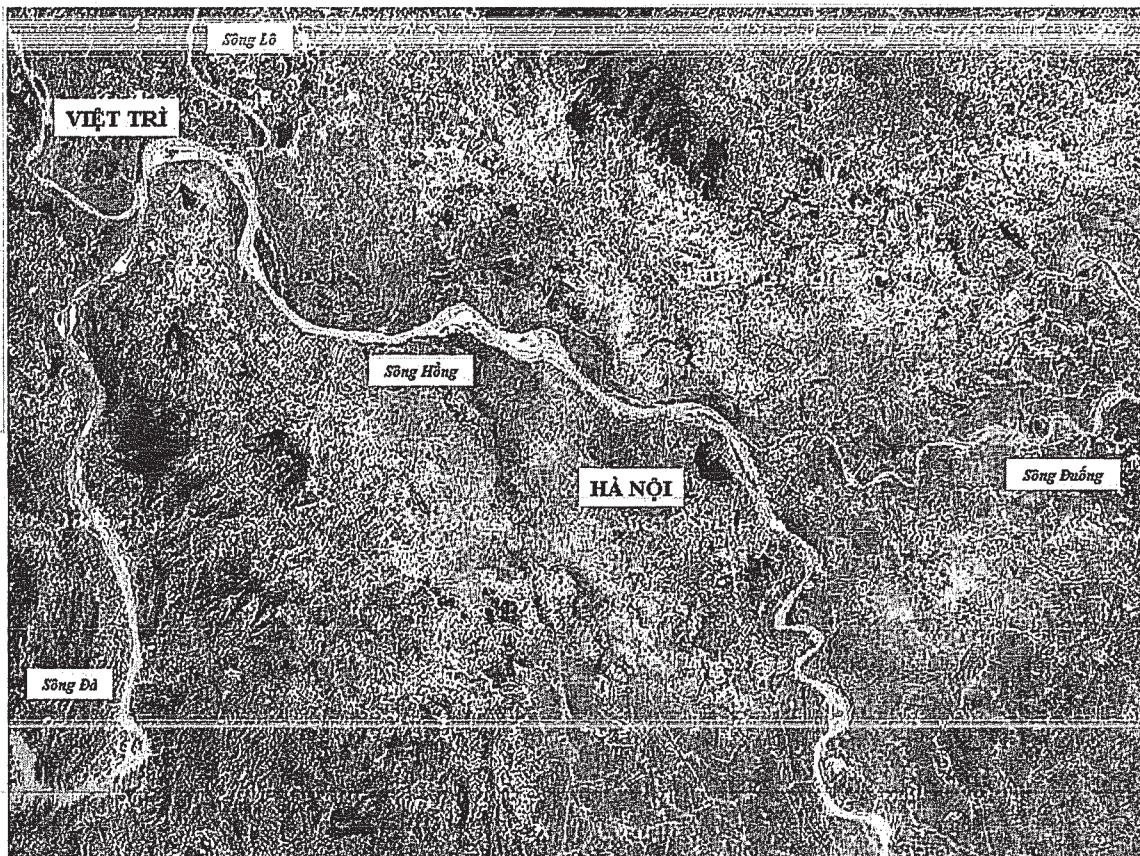
### 3. Sự hình thành các thủ lĩnh luyện kim và quân sự

Qua những mộ táng ở Việt Khê, Làng Cả, Gò De, Làng Vạc và phát hiện trống Cổ Loa cùng nhiều tư liệu mộ táng khác, chúng ta có thể thấy hình bóng của những thủ lĩnh giàu có của người Việt cổ mà khi chết họ được chia của ra sao. Những thủ lĩnh này đều là những người lãnh đạo cư dân Đông Sơn suốt từ thời Hùng Vương, qua thời An Dương Vương, đến thời Nam Việt Vương và thời Hán. Vai trò của họ hết sức quan trọng trong xã hội và họ có thể là nòng cốt trong một dạng nhà nước sơ khai. Vai trò của các thủ lĩnh Việt cổ vẫn tồn tại mạnh mẽ sau khi nhà Hán xâm lược và được thể hiện sức mạnh lần cuối cùng chính là cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng năm 40 - 43 sau Công nguyên. Chính Hai Bà Trưng cũng là một dạng thủ lĩnh Việt cổ đầy uy lực, đã giải phóng 65 thành trì từ tay nhà Hán.

Có thể giả định rằng, cư dân Đông Sơn thời đó đã có những thủ lĩnh địa phương. Những thủ lĩnh này đã là những người giàu có. Có thể họ là những người điều hành được sự sản xuất trong cộng đồng người Việt cổ. Mà trong những ngành sản xuất thời bấy giờ thì ngành luyện kim đòi hỏi phải có nhiều kỹ năng, bí quyết cao. Người nào nắm được kỹ nghệ luyện đồng cũng tức là người giàu có và có khả năng được suy tôn làm thủ lĩnh. Tài liệu dân tộc học cũng cho thấy, có nhiều thủ lĩnh luyện kim ở các cộng đồng người Tây Nguyên hay ở nhiều vùng Đông Nam Á khác. Có thể Hùng Vương đã là một thủ lĩnh luyện kim ở buổi ban đầu của nước Văn Lang. Chính Hùng Vương đóng đô ở vùng giữa lưu vực sông Hồng cũng có một lý do là kiểm soát được nguồn mỏ đúc đồng từ thượng nguồn dòng sông này để phát triển ngành luyện đồng, một ngành kinh tế có tác động mạnh vào các ngành kinh tế khác. Chúng tôi đã từng cho rằng, con đường hành lang sông Hồng là con đường giao lưu của ngành luyện đồng quan trọng nhất thời Hùng Vương.

Bên cạnh một dạng thủ lĩnh luyện kim thì vẫn có dạng thủ lĩnh quân sự trong một bối





Quá trình chuyển dịch từ Kinh đô Văn Lang xuống Kinh đô Âu Lạc là quá trình chuyển trung tâm kinh tế xã hội từ ngã ba sông khúc trên xuống ngã ba sông khúc dưới (theo Tác giả)

cảnh có chiến tranh và xung đột như đã phân tích ở phần trên. Hoặc cũng có khả năng, thủ lĩnh Việt cổ phải vừa là thủ lĩnh luyện kim lại vừa là thủ lĩnh quân sự.

Một trong những bằng chứng về việc ra đời thủ lĩnh trong văn hóa Đông Sơn còn thể hiện qua hàng trăm chiếc trống Đông Sơn tìm được trong địa bàn phân bố của nền văn hóa này. Thư tịch cổ còn nói đến chuyện người nào sở hữu vài chiếc trống đồng Đông Sơn là có thể tiến hiệu xưng Vương. Bởi vì trống đồng là tuyệt tác của nghệ thuật và kỹ thuật đúc, phải thuộc sở hữu của các cá nhân giàu có và quyền lực. Trong các thủ lĩnh đương thời thì Vua Hùng phải là thủ lĩnh lớn nhất, thống nhất được 15 "bộ" mà thư tịch ghi lại.

Các tài liệu văn hóa Đông Sơn đều cho thấy, có những khu mộ táng và làng cổ tập trung nhiều hiện vật quý ở những vị trí địa lợi cho phát triển kinh tế, xã hội đương thời. Có thể đó là trung tâm của các "bộ" của nước Văn Lang và có thể cả Âu Lạc. Cho đến nay, khảo cổ học đã chỉ ra được 11

trung tâm kinh tế xã hội như vậy. Trong các "tộc" của nước Văn Lang thì "tộc" Làng Cả có khả năng là trung tâm lớn nhất mà thư tịch cũng từng nói đến: vị trí ngã ba sông của kinh đô Văn Lang xưa. Ngày nay, khu vực đó thuộc địa bàn của tỉnh Phú Thọ, mà hẹp hơn nữa là thành phố Việt Trì và huyện Lâm Thao, nơi có những di tích tồn tại từ thời văn hóa Phùng Nguyên cho đến Đông Sơn và các địa điểm nổi tiếng như Làng Cả, Gò De. Sự đậm đặc di tích khảo cổ ở vùng này hoàn toàn phù hợp với khu vực đậm đặc truyền thuyết và di tích thờ các Vua Hùng và bộ tướng. Vì thế, nhiều khả năng khu vực quanh di tích Làng Cả đã là kinh đô Văn Lang xưa.

#### 4. Công cuộc chinh phục đồng bằng trũng và sự chuyển dịch kinh đô từ Văn Lang đến Âu Lạc

Truyền thuyết và thư tịch cũng nói khá nhiều đến nước Âu Lạc và sự chuyển giao quyền lực giữa Vua Hùng cuối cùng và An Dương Vương. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi lại sự tồn tại của thời An Dương Vương từ năm 257 đến năm 208 trước



Công nguyên, tức là vắn vắn có 50 năm. An Dương Vương đã kịp xây tòa thành Cổ Loa, mà hiện nay vẫn còn dấu tích. Còn nhiều vấn đề lịch sử liên quan đến thời kỳ này. Dấu tích khảo cổ thời này cho thấy khá nhiều ở quanh khu vực thành Cổ Loa, nhưng với một quãng ngắn như vậy thì sự biến chuyển có thể thấy được trong văn hóa Đông Sơn là không thật rõ rệt. Kể cả dấu tích của thời kỳ miền Bắc Việt Nam phụ thuộc vào nước Nam Việt cho đến năm 111 trước Công nguyên, với sự xâm lược của nhà Tây Hán cũng không có những thay đổi đột biến. Vì thế, việc nghiên cứu thời kỳ An Dương Vương và nước Âu Lạc cũng chỉ cơ bản là thời kỳ Đông Sơn muộn.

Việc trung tâm quyền lực của một vùng gồm lưu vực ba con sông Hồng, Mã, Lam lại chuyển về vùng Đông Anh, Hà Nội là một vấn đề rất thú vị mà khảo cổ học có nhiều tư liệu giải thích được.

- Vào thời gian văn hóa Đông Sơn, vùng đồng bằng sông Hồng đã tương đối khô ráo, cơ bản nước biển đã rút và đất đai không còn độ mặn như trong thời gian các văn hóa Tiền Đông Sơn. Chỉ tính riêng vùng Hà Nội, chúng tôi đã thống kê được các dấu tích của 35 làng cổ có niên đại Tiền Đông Sơn ở các vùng không bị ngập nước. Khi đó, trong địa bàn của khu vực ô trũng của Hà Nội (nay là Ứng Hòa, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Thanh Oai) không có di tích Tiền Đông Sơn. Chỉ đến khi những ô trũng này khô ráo, thì người xưa mới ồ ạt kéo đến khai thác và di dân đến các ô trũng này. Thống kê cho thấy, chính những ô trũng này đã là vùng đất mới, có một sự bùng nổ làng xóm mới, bùng nổ cư dân trong thời Đông Sơn. Đó là do vào thời này, đất ô trũng mới là đất trồng lúa được. Hà Nội trong thời văn hóa Đông Sơn có đến 87 làng, số lượng gấp 2,5 lần làng trong thời Tiền Đông Sơn trước đó. Tình hình bùng nổ làng xóm trên các vùng đất mới vốn là các ô trũng cũng xảy ra ở nhiều vùng thấp, như Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương... mà các di tích có mộ thuyền, trống đồng thường có mặt ở các vùng đó. Điều này liên quan chặt chẽ đến vấn đề địa mạo, đến quá trình sau biển tiến, đồng bằng dần dần được bồi đắp phù sa.

- Vùng Cổ Loa, vốn là một ngã ba sông - điểm giao giữa sông Hồng và sông Đuống, từ thời các văn hóa Tiền Đông Sơn đã có làng cổ. Đến thời Đông Sơn, với vai trò ngã ba sông của mình, lại có

vị trí chiến lược để quản lý một khu vực cư dân trồng lúa trên vùng đất mới khai thác nhưng đầy tiềm năng. Vì thế, sự ra đời của Cổ Loa gắn liền với sự đòi hỏi của yếu tố nông nghiệp rõ nét, bên cạnh yếu tố quân sự.

- Theo chúng tôi, sự dịch chuyển kinh đô Văn Lang - Âu Lạc có nguyên nhân sâu xa từ việc chuyển một vùng đất lúa cần cỗi xuống một vùng đất lúa phì nhiêu hơn. Bên cạnh đó còn là yếu tố địa lợi, tiện giao thông, thương mại, từ một ngã ba sông khúc trên xuống một ngã ba sông khúc dưới, nhưng cũng vẫn bám lấy một trục hành lang huyết mạch là sông Hồng.

- An Dương Vương là một thủ lĩnh của một nhà nước sơ khai Âu Lạc. Trước đây, có giả thuyết cho là từ vùng Cao Bằng xuống, với truyền thuyết "Cầu Chử Cheng Vua". Nhưng, với những tư liệu khảo cổ học thì vùng này, cũng như khu vực các tỉnh Việt Bắc, Đông Bắc hầu như rất ít di tích khảo cổ thời đại kim khí. Vì thế, theo chúng tôi, có thể An Dương Vương là thủ lĩnh của một tộc người từ khúc trên của dòng sông Hồng (các di tích Đông Sơn dọc sông Hồng ở Lào Cai, Yên Bái khá đậm đặc) tràn xuống trong quá trình tìm đất đai khai phá châu thổ sông Hồng.

##### 5. Văn Lang - Âu Lạc trong mối tương quan với Di sản Việt, Nam Việt

Căn cứ vào tài liệu thống kê dân số của nhà Hán trong thư tịch cổ để so sánh một cách tương đối về dân số của cả khu vực có những nhà nước sơ khai khi đó là Âu Lạc, Di sản Việt và Nam Việt, chúng tôi thấy, Âu Lạc là nước đông dân nhất, gấp hai lần rưỡi Nam Việt và gấp hàng chục lần Di sản Việt. Lý giải sự đông dân của Âu Lạc trong cái tam giác các nhà nước sơ khai nổi bật trong khu vực, chúng tôi cho rằng, chính điều kiện địa lợi, đất đai màu mỡ của đồng bằng sông Hồng là nguyên nhân có sự "bùng nổ" của dân cư trồng lúa mà điển hình là ở khu vực Hà Nội như đã nói.

Cư dân Văn Lang - Âu Lạc cũng là một cư dân có sự giao lưu văn hóa (hai chiều) rộng khắp. Căn cứ vào sự phân bố của trống Đông Sơn, chúng ta có thể hình dung được họ đã có mối quan hệ với cư dân Triết Giang cổ đại (trống minh khí tìm được trong mộ ở vùng này), với cư dân quần đảo In đô nê xi a và nhiều vùng khác nữa.